

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14 tháng 8 năm 2020
V/v “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phan Thị H – sinh năm 1974

HKTT: Số A, tổ dân phố H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện tại: Số B, phường M, thành phố B.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trịnh Tùng L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số A, tổ dân phố H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Phan Thị H là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 16/11/1994 (Âm lịch), bà và ông Trịnh Tùng L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Do không hiểu biết pháp luật nên bà và ông L không đăng ký kết hôn. Bà và ông L chung sống hạnh

phúc được một thời gian ngắn thì hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L cục cằn, nóng tính lại không quan tâm đến vợ con. Hai ông bà thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã; ông L thường xuyên đánh đập bà. Vì thương con, bà cố gắng nhẫn nhịn để nuôi các con khôn lớn. Hai bên gia đình khuyên bảo ông L nhiều lần nhưng ông không sửa chữa. Tháng 3 năm 2020, bà và ông L lại xảy ra xô xát, cãi vã. Bà bỏ xuống nhà con gái, con rể ở từ đó đến nay. Bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông L nữa nên đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông L có hai con chung là Trịnh Thị L sinh ngày 22/8/1995 và Trịnh Thị Q sinh ngày 03/2/2002. Cả hai con chung của bà với ông L đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà tự thỏa thuận với ông L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là ông Trịnh Tùng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L trình bày thống nhất với bà H về thời điểm tổ chức đám cưới, quá trình chung sống và việc không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông L xác định tháng 3 năm 2020, hai vợ chồng có xảy ra xô xát, bà H dọn về nhà con gái ở, hai vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà H, mong bà H rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Ông L xác định có hai con chung với bà H là: Trịnh Thị L sinh ngày 22/8/1995 và Trịnh Thị Q sinh ngày 03/2/2002. Cả hai con chung của ông, bà đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 30/7/2020, do ông L vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông L tiếp tục vắng mặt không lý do. Bà H xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành không đầy đủ các

quy định của pháp luật Tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên tòa 30/7/2020 không có lý do).

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân gia đình; Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội : chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H, không công nhận bà Phan Thị H và ông Trịnh Tùng L là vợ chồng. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Trịnh Tùng L có hộ khẩu tại Tổ H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không lý do. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày có tổ chức lễ cưới năm 1994 và về chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (phường) có thẩm quyền. Ủy ban nhân dân phường Đ và phường Mỹ Độ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang – nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn trước khi cưới đều xác nhận: theo sổ đăng ký kết hôn gốc năm 1994 còn lưu trữ, không có trường hợp bà Phan Thị H sinh năm 1974 kết hôn với ông Trịnh Tùng L sinh năm 1974. Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, không công nhận bà H và ông L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Các con chung của bà H, ông L là Trịnh Thị L sinh ngày 22/8/1995 và Trịnh Thị Q sinh ngày 03/2/2002 đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu gì nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không công nhận bà Phan Thị H và ông Trịnh Tùng L là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001379 ngày 30/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận bà H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ, TP B
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Giang